



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 11/2022



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 10/2022	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	6
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	7
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 10/2022	7
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	7
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	7
1.1.2. Xuất nhập khẩu	8
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	9
1.1.4. Hoạt động đầu tư	9
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	10
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	10
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	10
1.2.2. Tỷ giá	11
1.2.3. Chứng Khoán	11
1.2.4. Lạm phát	12
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	12
2.1. Về chủ trương, chính sách	13
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	13
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	16
1. Thị trường dầu thô	16
2. Thị trường khí	19
3. Thị trường phân bón	21
4. Thị trường điện	23
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 10 năm 2022	24



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 10/2022

1.1. Tổng quan chung

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu của JP Morgan giảm từ 49,8 vào tháng 9/2022 xuống mức thấp nhất trong 28 tháng là 49,4 trong tháng 10/2022 và duy trì dưới mốc 50,0 tháng thứ hai liên tiếp.

Theo IMF, tăng trưởng toàn cầu được dự báo sẽ chậm lại từ 6,0% năm 2021 xuống còn 3,2% năm 2022 và 2,7% năm 2023. Đây là mức tăng trưởng yếu nhất kể từ năm 2001 ngoại trừ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và giai đoạn bùng phát của đại dịch COVID-19. Lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ tăng từ 4,7% năm 2021 lên 8,8% năm 2022 nhưng giảm xuống 6,5% vào năm 2023 và 4,1% vào năm 2024.

Nguy cơ suy thoái toàn cầu ngày càng thể hiện rõ nét bởi sự đứt gãy của chuỗi cung ứng toàn cầu do cuộc xung đột Nga - Ukraine, chiến lược “zero Covid” của Trung Quốc, khiến chi phí năng lượng, thực phẩm và hàng tiêu dùng tăng mạnh ở nhiều nền kinh tế. Điều này khiến các NHTW các nước buộc phải nâng mạnh lãi suất nhằm hạ nhiệt nền kinh tế của mình.

Tăng lãi suất có thể giúp kiềm chế lạm phát qua giảm đầu tư và hạn chế tiêu dùng cá nhân. Nhưng chính nó lại có thể dẫn đến sự suy thoái của các nền kinh tế các quốc gia giàu có và khủng hoảng ở các nước nghèo, do gánh nặng nợ nần tăng lên và các cân đối kinh tế vĩ mô bị phá vỡ.

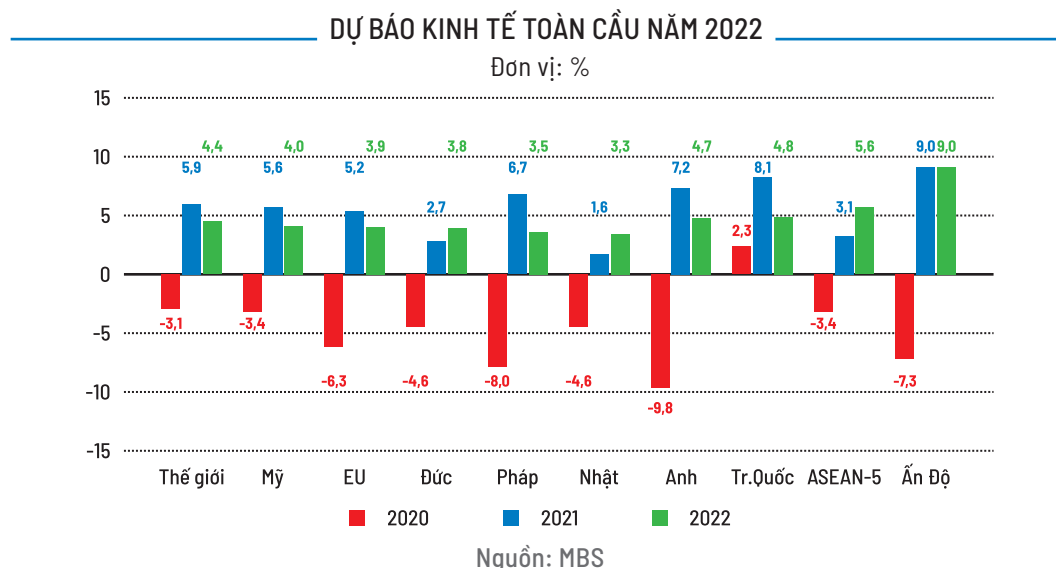
Động thái tăng lãi suất 0,75 điểm phần trăm lần thứ tư liên tiếp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ngày 2/11 là sự tiếp tục của chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ quyết liệt nhất của Ngân hàng Trung ương này kể từ đầu thập niên 1980.

IMF khuyến cáo các chính phủ cần duy trì chính sách tiền tệ đúng hướng để khôi phục sự ổn định giá cả, chính sách tài khóa đủ chặt chẽ phù hợp với chính sách tiền tệ. Cùng với đó, hợp tác đa phương là cần thiết để hỗ trợ quá trình chuyển đổi năng lượng xanh và ngăn chặn sự phân mảnh địa kinh tế.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

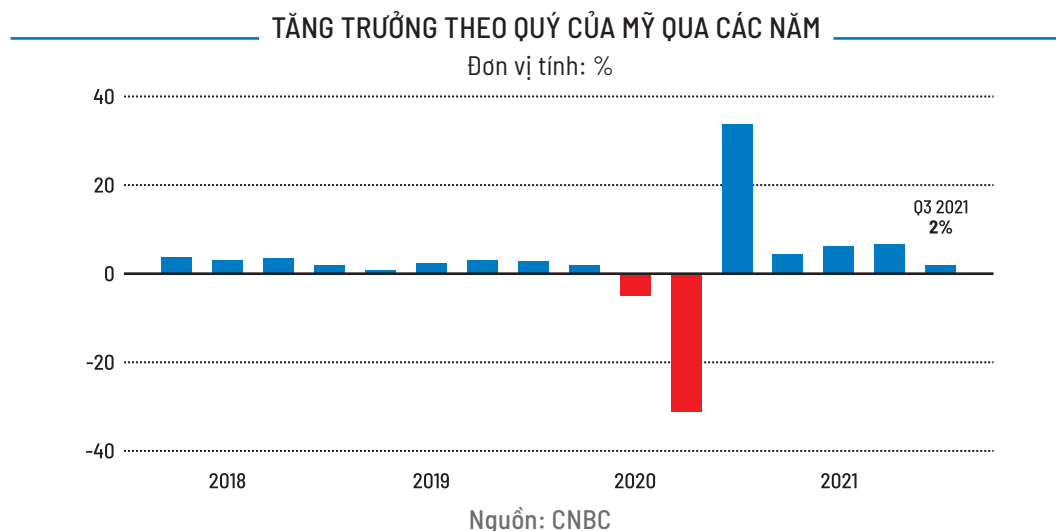
Trước những biến động tiêu cực lớn và còn có nguy cơ tiếp diễn, nền kinh tế toàn cầu có thể sẽ rơi vào suy thoái trong năm 2023.

Trong 4 nền kinh tế lớn nhất thế giới chỉ có Trung Quốc là đáng lo ngại nhất, trong khi kinh tế Mỹ có triển vọng tốt về dài hạn; Nhật Bản, đặc biệt là EU, vẫn có sức chống chịu tốt dù khó khăn còn rất lớn.



■ Mỹ

Sau nửa năm đầu đi xuống, kinh tế Mỹ đã bật tăng trở lại trong quý III/2022, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Việc này cho thấy tình hình đã đảo chiều sau khi GDP giảm 1,6% Quý I và 0,6% Quý II. Dù điều này khẳng định Mỹ hiện không suy thoái, các nhà kinh tế vẫn cảnh báo rủi ro còn hiện hữu. Thị trường nhà đất đi xuống, lạm phát cao, Fed ráo riết nâng lãi suất khiến nền tảng kinh tế năm 2023 rất thiếu chắc chắn.



Sự tăng trưởng trở lại của kinh tế Mỹ chủ yếu được thúc đẩy bởi việc tái cân bằng cán cân xuất nhập khẩu, cụ thể là hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ đã giảm bớt khi người tiêu dùng chuyển hướng từ mua sắm ghế sofa, xe đạp và các hàng hóa lâu bền khác thời đại dịch sang đi du lịch và ăn uống. Xuất khẩu tăng mạnh, chi tiêu của người tiêu dùng ổn định nhờ thị trường việc làm lành mạnh đã giúp khôi phục tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất thế giới này.

Việc nhập khẩu giảm, cùng đầu tư vào thị trường nhà đất đi xuống và tiêu dùng tăng chậm lại cho thấy nhu cầu đang yếu đi. Đây là điều Fed kỳ vọng, sau khi nâng lãi suất liên tiếp vài tháng qua để ghìm lạm phát hiện đang trong giai đoạn cao nhất 4 thập kỷ.

■ Eurozone

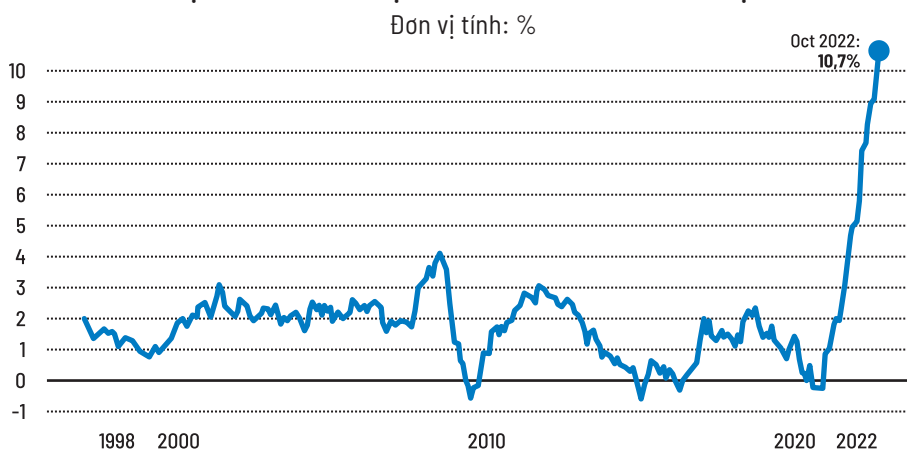
EU phải chống chọi trực tiếp với những áp lực rất lớn từ chiến sự Nga-Ukraine, đặc biệt là thiếu năng lượng, lạm phát cao và sản xuất bị ảnh hưởng. Mặc dù khu vực này vẫn cho thấy khả năng chống chịu rất tốt, ít nhất là trong năm 2022, tăng trưởng GDP của EU trong quý I và II/2022 thậm chí còn tốt hơn cả Mỹ với GDP hàng năm là 5,4% và 4,1% nhưng nền kinh tế khu vực đang tiếp tục yếu đi, GDP chỉ tăng 0,2% trong Quý 3 so với Quý 2. Mức tăng này nằm trong dự báo, nhưng đã giảm mạnh so với mức tăng 0,8% ghi nhận trong Quý 2.

Điều gây lo ngại là PMI đều dưới mức 50 điểm cho thấy khuynh hướng thu hẹp trong các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Điều này cho thấy trong hai quý cuối năm 2022, nền kinh tế EU sẽ sụt giảm đáng kể. Tuy nhiên, theo dự báo của IMF thì nền kinh tế EU vẫn có mức tăng trưởng 3,1% năm 2022 trước khi giảm xuống 0,5% vào năm 2023.

Như vậy, khu vực EU được xem là đáng lo ngại vì quá gần với tăng trưởng âm năm 2023. Nếu có thêm biến cố tiêu cực thì khu vực này có nguy cơ rơi vào suy thoái kinh tế.

Yếu tố bất lợi cộng thêm là lạm phát ở khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu tăng lên mức cao kỷ lục 10,7% trong tháng 10, gây sức ép đòi hỏi Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục tăng lãi suất, bất chấp tăng trưởng kinh tế quý 3 sụt giảm mạnh.

LẠM PHÁT Ở KHU VỰC EUROZONE TĂNG CAO KỶ LỤC



Nguồn: AFP

Việc từ chức của bà Truss hôm 20/10 là một cú sốc nữa trong chuỗi biến động liên tiếp tại Vương quốc Anh. Chỉ trong năm nay, nước này đã chứng kiến chính phủ bị đảo lộn, lạm phát hai con số, đồng bảng Anh suy yếu, trong khi người dân xuống phố biểu tình vì chi phí năng lượng tăng vọt. Sau những ngày giữ chức, bà Truss để lại “di sản” là một nước Anh đang tiến gần hơn tới khủng hoảng kinh tế, sau “kế hoạch tăng trưởng” khiến thị trường phản ứng dữ dội. Bên cạnh đó, đảng Bảo thủ có thể đang nắm quyền, nhưng chắc chắn quyền lực của họ đã suy yếu sau chuỗi liên tiếp thất bại.

Trong bối cảnh đó, tân thủ tướng mới của Anh Rishi Sunak sẽ phải đối mặt với những áp lực không hề nhỏ.

▪ *Trung Quốc*

Các đợt phong tỏa COVID, khủng hoảng lĩnh vực bất động sản và tại các công ty công nghệ, giáo dục đã khiến nền kinh tế thứ hai thế giới điều đứng.

Những dự báo mới nhất cho thấy tăng trưởng của Trung Quốc có nguy cơ xuống dưới 3%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 5,5% của Bắc Kinh. Những phản ứng của Trung Quốc cho tới nay vẫn chỉ mang tính tình thế và không gây ấn tượng, trái ngược với những kế hoạch giải cứu trong quá khứ.

Nền kinh tế Trung Quốc đang trong tình trạng khó khăn. Tỷ lệ thất nghiệp của người trẻ đã chạm ngưỡng 19,9% vào mùa hè, mức cao nhất từng được ghi nhận.

Viễn cảnh tốt đẹp cho những năm tiếp theo không phải là trở lại thời kỳ tăng trưởng mạnh mẽ, mà là tăng trưởng ổn định. Các vấn đề như nhân khẩu học, nợ và dư thừa năng lực ở bất động sản cũng như những ngành nghề khác vẫn sẽ tiếp tục cản trở nền kinh tế.

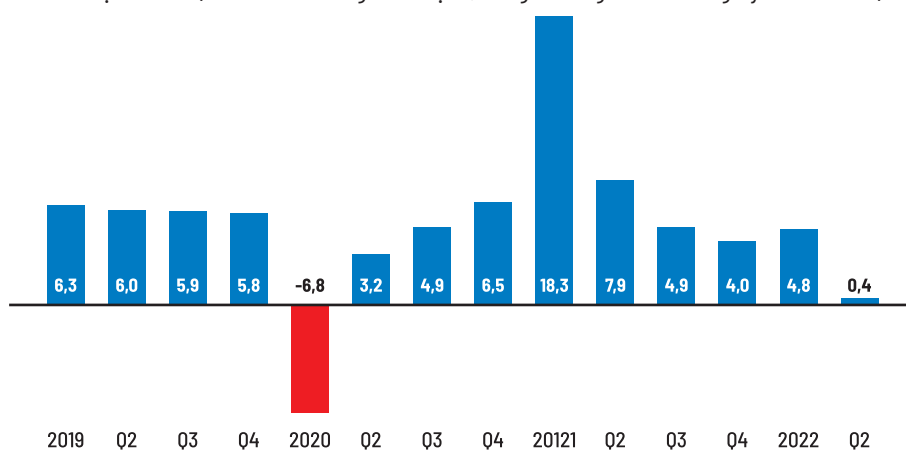
Trong “Báo cáo Triển vọng kinh tế châu Á” được công bố mới đây, IMF dự báo GDP Trung Quốc chỉ tăng 3,2% trong năm 2022 (so với mức tăng 8,1% trong năm 2021), sự sụt giảm tăng trưởng của Trung Quốc, sẽ tác động tiêu cực đến nền kinh tế các nước trong khu vực châu Á.

Sau khi kết thúc Đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc lần thứ 20, ngày 23/10/2022, Ban Chấp hành Trung ương mới đã bầu lại ông Tập Cận Bình vào chức tổng bí thư thêm một nhiệm kỳ 5 năm, nhiệm kỳ thứ ba. Như vậy, ông Tập Cận Bình đã trở thành lãnh đạo có thể lực nhất ở Trung Quốc kể từ thời Mao Trạch Đông.

Ngày 24/10, Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc (NBS) cho biết GDP của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới tăng 3,9% trong quý 3, cao hơn mức dự báo 3,4% của các nhà phân tích được Reuters khảo sát và cải thiện rõ rệt so với tốc độ 0,4% trong quý 2.

TĂNG TRƯỞNG GDP HÀNG QUÝ CỦA TRUNG QUỐC

Đơn vị tính: % (GDP tính theo giá cố định, tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước)



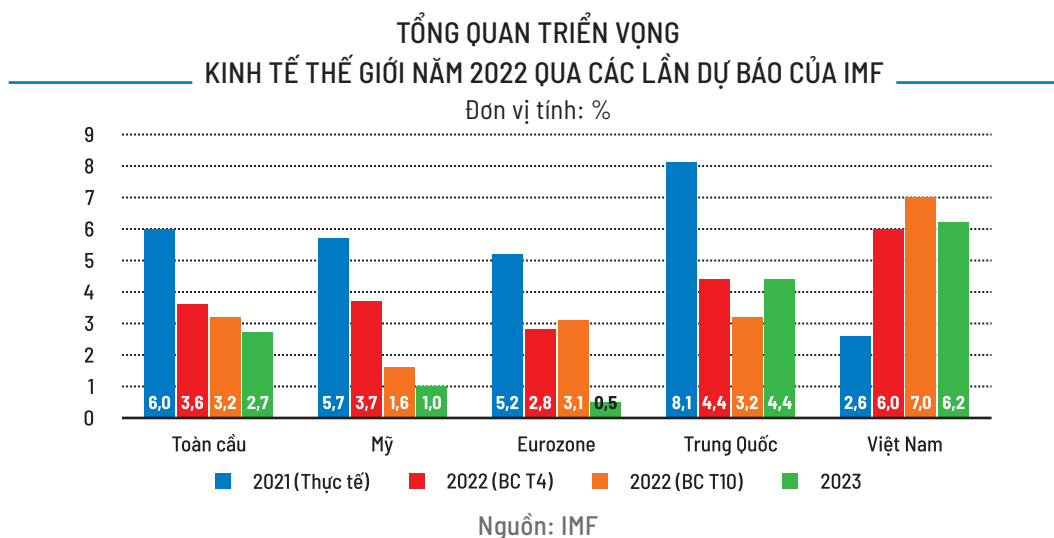
Nguồn: Cục Thống kê Trung Quốc

Các nhà kinh tế hiện đều đưa ra dự báo nền kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng ở mức 3,3% trong cả năm nay, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 5,5% mà nước này đặt ra hồi đầu năm. Những tháng gần đây, các quan chức Trung Quốc cũng bắt đầu hạ mục tiêu tăng trưởng khi mục tiêu 5,5% ngày càng xa tầm với, mà thay vào đó, họ tập trung vào ổn định việc làm và các chỉ số khác.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) lo ngại kịch bản kinh tế thế giới còn xấu hơn khi đối mặt với một loạt thách thức về năng lượng, lạm phát và xung đột địa chính trị. Ngày 6/10, IMF tiếp tục hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu khi cảnh báo triển vọng kinh tế thế giới ảm đạm và rủi ro suy thoái gia tăng nhanh chóng. IMF dự báo GDP toàn cầu sẽ mất 4.000 tỷ USD từ nay đến năm 2026.

Trong *Báo cáo Triển vọng kinh tế châu Á* công bố mới đây, IMF dự báo tăng trưởng GDP thực của châu Á sẽ đạt 4% trong năm 2022, thấp hơn mức 6,5% của năm 2021.



Hiện IMF dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu đạt tổng cộng 3,2% trong năm nay và 2,9% trong năm 2023.

Theo IMF, thị trường toàn cầu đang trong trạng thái căng thẳng khi các nhà đầu tư ngày càng muốn tránh rủi ro trong bối cảnh bất ổn kinh tế và chính sách tiền tệ thắt chặt. Đặc biệt, tình hình thị trường bất động sản tại nhiều nước đang làm dấy lên những lo ngại về việc rủi ro có thể lan rộng sang cả các ngân hàng và nền kinh tế vĩ mô. IMF cho rằng thị trường bất động sản bị ảnh hưởng sẽ tác động đến lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng nhỏ. Trong khi đó, các thị trường lớn đứng trước một loạt rủi ro, từ chi phí vay cao và lạm phát đến trạng thái thiếu ổn định trên thị trường hàng hóa.

Hãng S&P Global Market Intelligence mới đây dự báo khu vực châu Á-Thái Bình Dương, vốn đóng góp 35% Tổng sản phẩm thế giới (GDP), sẽ đóng vai trò chủ đạo trong tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023, nhờ các thỏa thuận thương mại tự do trong khu vực, chuỗi cung ứng hiệu quả và chi phí cạnh tranh. Cụ thể, tăng trưởng kinh tế thực của khu vực châu Á-Thái Bình Dương sẽ đạt khoảng 3,5% trong năm 2023, trong khi châu Âu và Mỹ nhiều khả năng sẽ đối mặt với nguy cơ suy thoái.

S&P đã hạ dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 từ mức 2% vào tháng trước xuống còn 1,4%. Con số này thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng 5,9% trong năm 2021 và 2,8% trong dự báo của S&P về năm 2022.

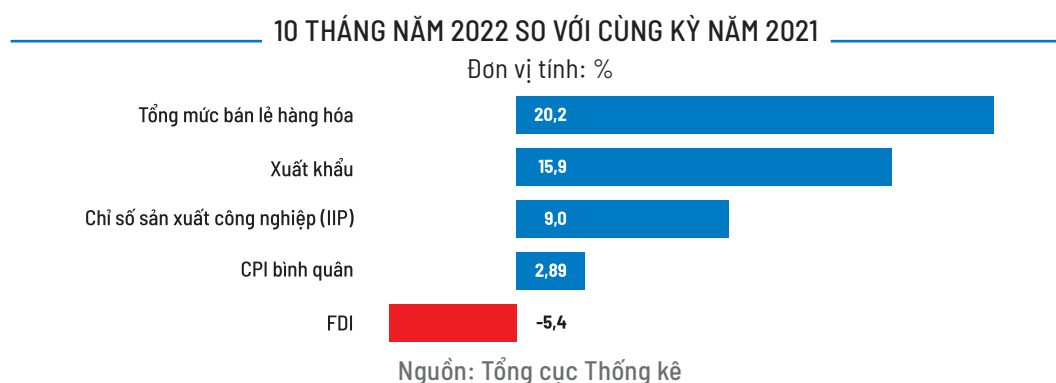


PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 10/2022

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

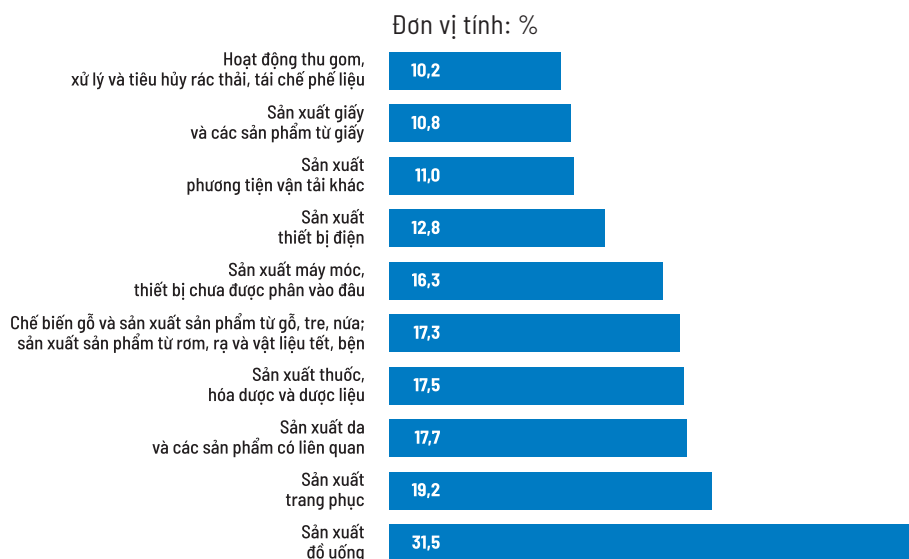


1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trong tháng 10 tiếp tục phục hồi, ước tăng 3% so với tháng trước và tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước do các doanh nghiệp đã chủ động hơn về lao động và kế hoạch sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn để phục hồi, mở rộng sản xuất.

Tính chung 10 tháng năm 2022, IIP ước tăng 9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 3,8%). Đóng góp vào mức tăng trưởng chung, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6% (cùng kỳ năm 2021 tăng 5,1%), đóng góp 7,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

TOP 10 NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM
CÓ CHỈ SỐ IIP CAO NHẤT 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

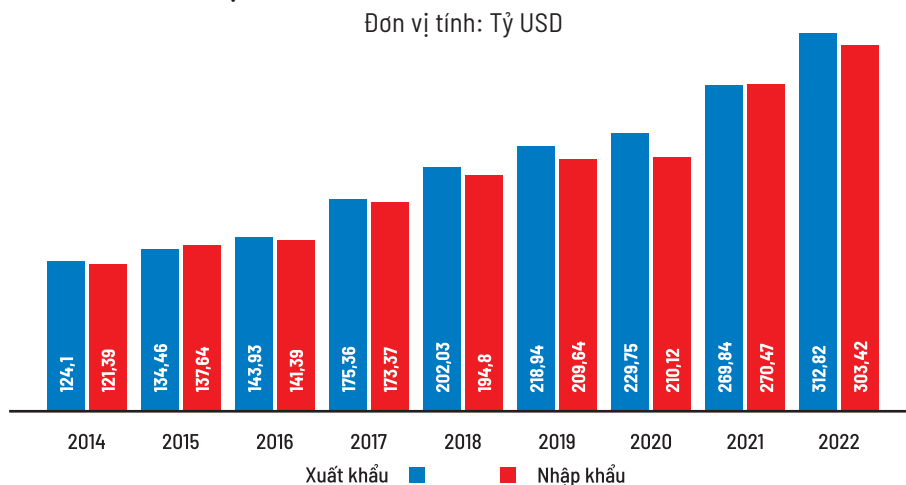


Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

10 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 616,24 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó xuất khẩu tăng 15,9%; nhập khẩu tăng 12,2%. Cả nước xuất siêu 9,4 tỷ USD.

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 10 THÁNG CÁC NĂM 2014-2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2022

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

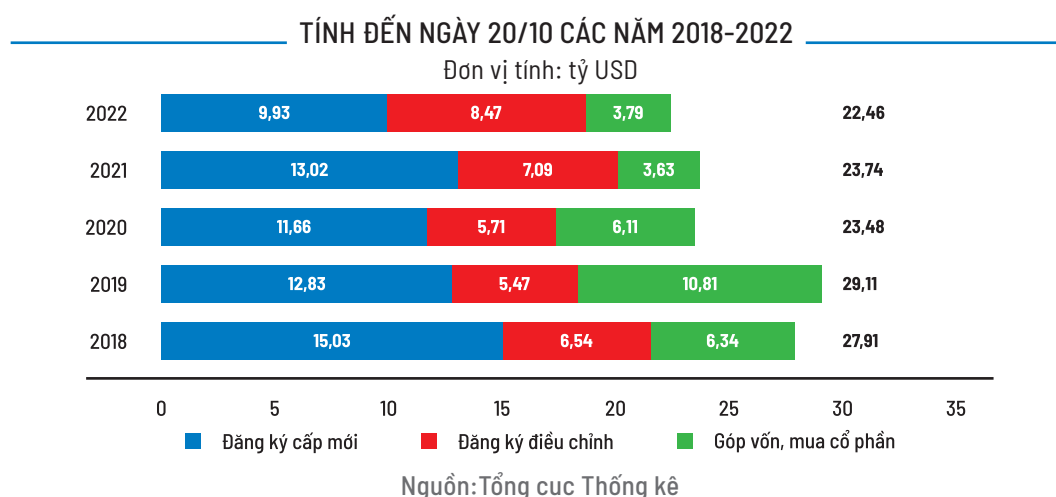
Trong tháng 10/2022, cả nước có hơn 13 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 106,9 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký gần 76,9 nghìn lao động, tăng 13,6% về số doanh nghiệp, giảm 21,4% về vốn đăng ký và tăng 24,1% về số lao động so với tháng 9/2022. So với cùng kỳ năm trước, tăng 58,3% về số doanh nghiệp, giảm 1,5% về số vốn đăng ký và tăng 30,7% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 10/2022 đạt 8,2 tỷ đồng, giảm 30,8% so với tháng trước và giảm 37,8% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có 3,9 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 23,7% so với tháng trước và giảm 9,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 10 tháng năm 2022, cả nước có 125,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký gần 1.379,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 835 nghìn lao động, tăng 34,3% về số doanh nghiệp, tăng 5,7% về vốn đăng ký và tăng 18% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Tính đến ngày 20/10, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) đạt hơn 22,46 tỷ USD, bằng 94,6% so với cùng kỳ năm 2021, tăng 9,9 điểm % so với 9 tháng.

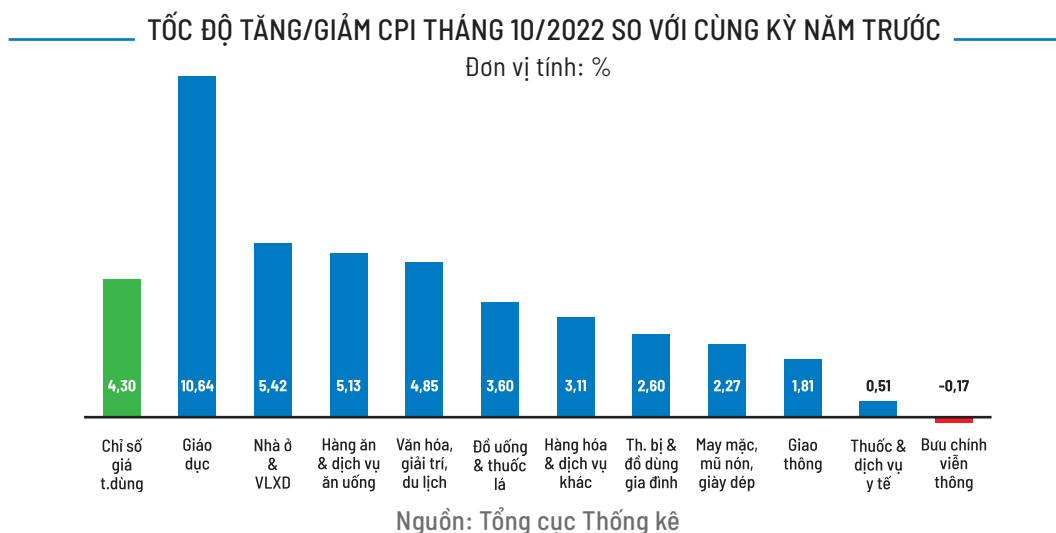
VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐĂNG KÝ VÀO VIỆT NAM



Xét theo đối tác đầu tư, trong giai đoạn, đã có 103 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam trong 10 tháng năm 2022. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 5,34 tỷ USD, chiếm 23,8% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, giảm 21,1% so với cùng kỳ 2021. Nhật Bản đứng thứ hai với trên hơn 4,19 tỷ USD, chiếm 18,7% tổng vốn đầu tư, tăng 23,8% so với cùng kỳ. Hàn Quốc đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký trên hơn 3,9 tỷ USD, chiếm 17,4% tổng vốn đầu tư

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Giá thuê nhà tăng trở lại do nhu cầu của người dân tăng cao, một số địa phương tăng học phí năm học mới 2022 - 2023 đã làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2022 tăng 0,15% so với tháng trước. So với tháng 12/2021, CPI tháng 10/2022 tăng 4,16% và tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2021.



Bình quân 10 tháng năm 2022, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 2,89% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,14%.

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Trong tháng 10/2022, dưới sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, thị trường tiền tệ, tín dụng, ngoại hối cơ bản ổn định, thanh khoản tốt. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tính đến cuối tháng 10/2022, tăng trưởng tín dụng đã đạt 11,5% so với cuối năm 2021.

Với tốc độ tăng trưởng từ đầu năm đến nay như trên, tín dụng đã tăng trên 17% so với cùng kỳ năm ngoái và cũng là mức cao so với cùng kỳ nhiều năm trước đây.



1.2.2. Tỷ giá

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2022 tăng 1,84% so với tháng trước và tăng 5,42% so với cùng kỳ năm 2021; bình quân 10 tháng năm 2022 tăng 1,17%.

Tỷ giá hối đoái sẽ tiếp tục chịu áp lực trong những tháng cuối năm 2022 do đồng USD neo cao khi FED duy trì lộ trình tăng lãi suất. Bên cạnh đó, NHNN cũng đã phải bán bớt một phần dự trữ ngoại hối để ổn định tỷ giá.

Đối với năm 2023, dự báo áp lực lên tỷ giá hối đoái của Việt Nam sẽ hạ nhiệt đáng kể và Việt Nam Đồng được kỳ vọng sẽ tăng giá 1-2% so với USD trong năm 2023 do các nguyên nhân sau:

- Đầu tiên, Fed sẽ chuyển từ “thắt chặt chính sách tiền tệ” sang “bình thường hóa” vào năm tới.
- Thứ 2, FED có khả năng giảm nhẹ lãi suất điều hành trong nửa cuối năm 2023.
- Thứ 3, lãi suất VND có xu hướng tiếp tục tăng lên trong năm 2023 và cuối cùng là bộ đệm từ thặng dư thương mại và thặng dư cán cân thanh toán tốt hơn trong năm 2023.

1.2.3. Chứng Khoán

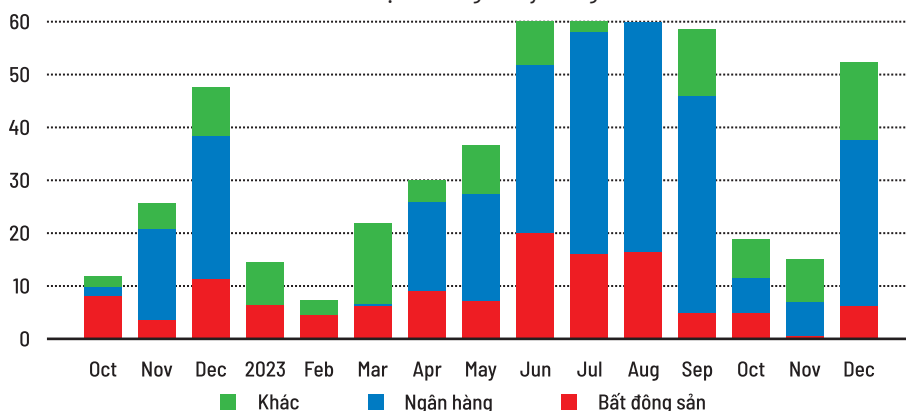
Thị trường chứng khoán tại Việt Nam đã tăng trưởng tích cực trong 3 năm trở lại đây. Nhưng thời gian qua, thị trường chứng kiến sự sụt giảm liên tục trong nhiều ngày, thậm chí thị trường ghi nhận thủng mốc 1.000 điểm, vốn hóa của thị trường bốc hơi mạnh, nhiều nhà đầu tư mất vốn, niềm tin cũng dần trở nên lung lay.

▪ Trái phiếu doanh nghiệp

Theo các chuyên gia, khối lượng đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp tập trung nhiều vào năm 2023-2024. Riêng quý IV năm nay, khoảng 85.000 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, tập trung ở nhóm ngân hàng, bất động sản.

GIA TRỊ ĐÁO HẠN THEO THÁNG VÀ NGÀNH NGHỀ

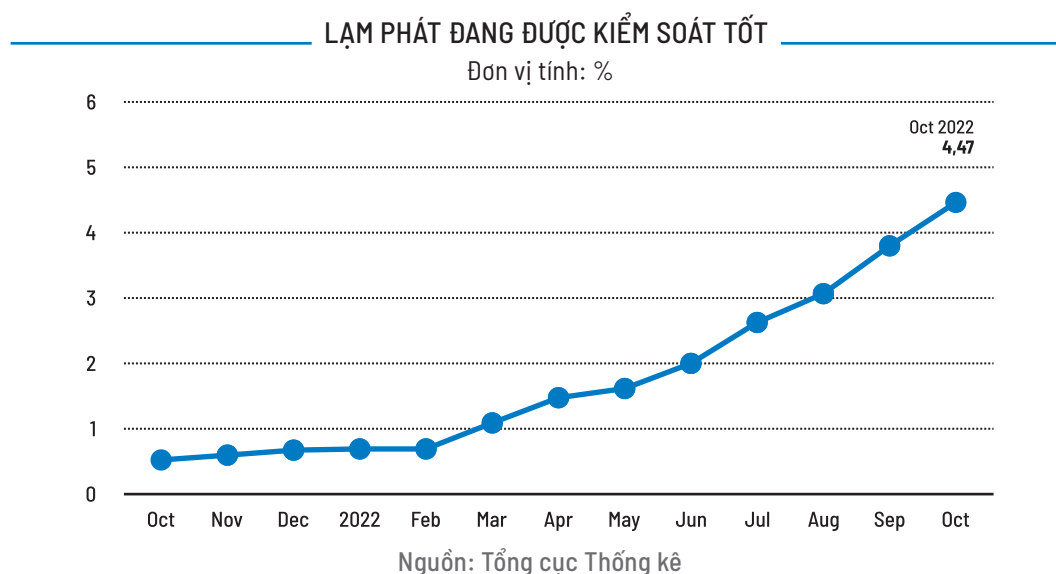
Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2.4. Lạm phát

Sự tăng - giảm của giá xăng dầu kể từ đầu năm tới nay đã tác động khá lớn đến mục tiêu kiểm soát lạm phát của Việt Nam. Hiện tại, giá xăng đã giảm khá nhiều so với thời điểm “đỉnh”. Nhờ vậy, đà tăng chỉ số giá tiêu dùng đã được kiểm soát. Như vậy, lạm phát đang được kiểm soát tốt và với đà này, cả năm, sẽ ở mức dưới 4%.



2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

Việt Nam là nước xuất khẩu nông sản, nên tránh được áp lực lạm phát và khó khăn kinh tế từ giá lương thực tăng. Dù Việt Nam vẫn lệ thuộc vào nhập khẩu xăng dầu nhưng mức lệ thuộc không lớn vì Việt Nam cũng là nước xuất khẩu dầu thô, nên áp lực lạm phát từ tăng giá năng lượng toàn cầu cũng không lớn.

Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc vào kinh tế thế giới với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu gấp hơn 2 lần GDP. Khi kinh tế toàn cầu suy giảm, nền kinh tế Việt Nam cũng không thể tăng trưởng thuận lợi được. Xuất khẩu có thể giảm trong thời gian tới do cầu từ các thị trường lớn như Mỹ, EU giảm. Nhập khẩu cũng có thể khó khăn hơn khi Trung Quốc vẫn tiếp tục chính sách Zero-Covid một cách cực đoan.

Cần lưu ý chính sách nâng lãi suất của FED vẫn sẽ tiếp tục đến hết 2023, do đó, Việt Nam cũng cần xem xét điều chỉnh tỷ giá và lãi suất sao cho phù hợp nhằm giữ ổn định tỷ giá trong khi tránh nhập khẩu lạm phát. Những điều chỉnh này phải nhằm đạt được mục tiêu ổn định, thay vì tăng trưởng nhanh. Nếu cố ý có tăng trưởng cao bằng cách không nâng lãi suất và giảm bớt tín dụng, Việt Nam có thể bị rơi vào lạm phát cao, bất ổn vĩ mô, rồi cuối cùng cũng phải nâng lãi suất. Khi đó, Việt Nam sẽ phải trả giá cao hơn nhiều.

2.1. Về chủ trương, chính sách

Tiếp tục ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Điều hành chính sách tiền tệ thận trọng, chắc chắn, nhưng phải linh hoạt và hiệu quả; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa, góp phần để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng. Tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách để người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận dễ dàng hơn nguồn tín dụng; hướng mạnh tín dụng vào sản xuất - kinh doanh.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Nâng cao chất lượng xây dựng thể chế, hoàn thiện các dự án luật, bảo đảm tiến độ, phù hợp tình hình thực tiễn. rà soát các quy định, cơ chế, chính sách; sửa đổi, bổ sung kịp thời những quy định chồng chéo, thiếu hoặc không còn phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân, doanh nghiệp

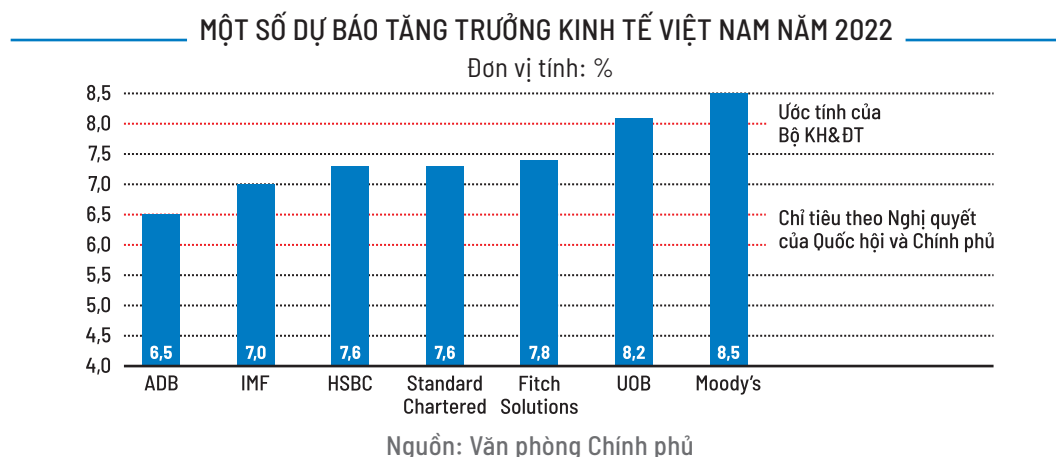
Từ ngày 15/11/2022, Thông tư 12/2022/TT-NHNN hướng dẫn về hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp sẽ chính thức có hiệu lực. Dựa trên kết quả tăng trưởng mạnh trong 9 tháng đầu năm 2022, các tổ chức quốc tế đã đưa ra dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam và các nước trong khối ASEAN năm 2022.

Theo đó, doanh nghiệp có khoản vay nước ngoài mà không được Chính phủ bảo lãnh phải thực hiện đăng ký với Ngân hàng Nhà nước đối với các khoản vay sau:

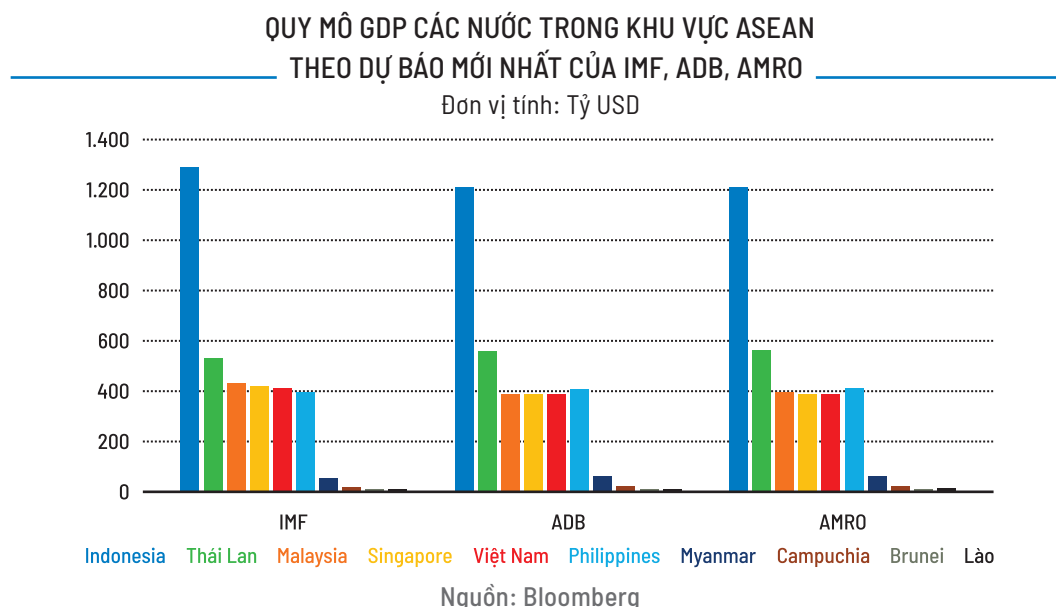
- Khoản vay trung, dài hạn nước ngoài.
- Khoản vay ngắn hạn được gia hạn thời gian trả nợ gốc mà tổng thời hạn của khoản vay là trên 01 năm.
- Khoản vay ngắn hạn không có thỏa thuận gia hạn nhưng còn dư nợ gốc (bao gồm cả nợ lãi được nhập gốc) tại thời điểm tròn 01 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên (trừ khi bên vay hoàn thành thanh toán dư nợ gốc trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ thời điểm 01 năm nêu trên).

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Dựa trên kết quả tăng trưởng mạnh trong 9 tháng đầu năm 2022, các tổ chức quốc tế đã đưa ra dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam và các nước trong khối ASEAN năm 2022.



Theo IMF, tăng trưởng GDP của Việt Nam cao nhất trong nhóm 5 nền kinh tế mới nổi trong khu vực Đông Nam Á (ASEAN-5), gồm Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan. Nhóm ASEAN-5 được dự báo tăng trưởng 5,3% trong năm nay, so với mức 3,4% vào năm 2021 nhưng sẽ giảm xuống 4,9% trong 2023.

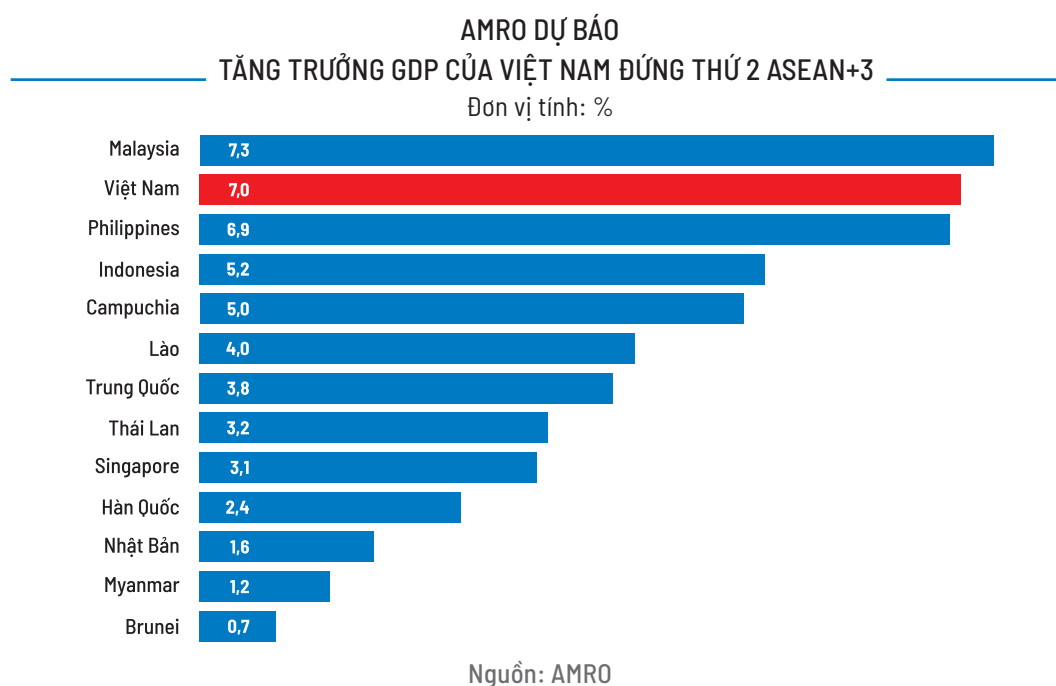


Đầu tháng 10, Ngân hàng UOB đã nâng mức dự báo tăng trưởng cả năm 2022 của Việt Nam lên 8,2%, cao hơn đáng kể so với mức dự báo 7% được đưa ra trước đó nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của ngành sản xuất và dịch vụ kể từ khi Việt Nam mở cửa trở lại.

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) vừa công bố Báo cáo Triển vọng kinh tế châu Á không nằm ngoài dự đoán của các chuyên gia trước đó với điểm nổi bật là: hạ dự mạnh dự báo tăng trưởng kinh tế của cả khu vực châu Á. Tuy nhiên, Việt Nam là một điểm sáng. Theo đó, IMF tiếp tục dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7% trong năm 2022, tăng so với dự báo 6% trong dự báo đưa ra hồi đầu năm.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam cao nhất trong nhóm 5 nền kinh tế mới nổi trong khu vực Đông Nam Á (ASEAN-5), gồm Việt Nam, Indonesia, Malaysia, Philippines và Thái Lan. Nhóm ASEAN-5 được dự báo tăng trưởng 5,3% trong năm nay, so với mức 3,4% vào năm 2021 nhưng sẽ tụt xuống 4,9% trong 2023.

Trong báo cáo “Triển vọng kinh tế khu vực ASEAN+3 năm 2022” do Văn phòng Nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) cập nhật tháng 10/2022, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng 7% trong năm nay và đứng thứ 2 trong khu vực sau Malaysia.



Với dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 ở mức 7% của IMF và AMRO, quy mô GDP Việt Nam năm 2022 đạt khoảng 393,76 tỷ USD.

Tương tự, ngày 12/10, Ngân hàng *Standard Chartered* đã ra thông báo về việc nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam từ 6,7% lên 7,5% cho năm 2022 và từ 7% lên 7,2% cho năm 2023 sau khi mức tăng trưởng trong quý III tại Việt Nam đạt 13,7%. Tổ chức này cũng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong quý IV sẽ đạt 4%.

Ngày 28/10, trong bài phân tích đăng trên trang web của *Fitch Ratings*, tổ chức này đánh giá triển vọng tăng trưởng mạnh của Việt Nam phản ánh qua triển vọng tăng trưởng mạnh trong trung hạn, nợ chính phủ thấp hơn so với các quốc gia tương ứng và hồ sơ nợ bên ngoài tốt. Fitch dự đoán Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng 7,4% trong năm 2022 do sự phát triển trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng sẽ dẫn đầu Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước thăm chính thức CHND Trung Hoa (Trung Quốc). Ông Hứa Lợi Bình nhận định Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là nhà lãnh đạo nước ngoài đầu tiên đến thăm Trung Quốc sau Đại hội XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc, điều này thể hiện đầy đủ tính đặc thù và tầm quan trọng của quan hệ giữa hai Đảng, hai nhà nước.

Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại và xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 6 của Trung Quốc trên thế giới. Điều này thể hiện đầy đủ tiềm năng của thương mại Trung - Việt.



PHẦN III

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

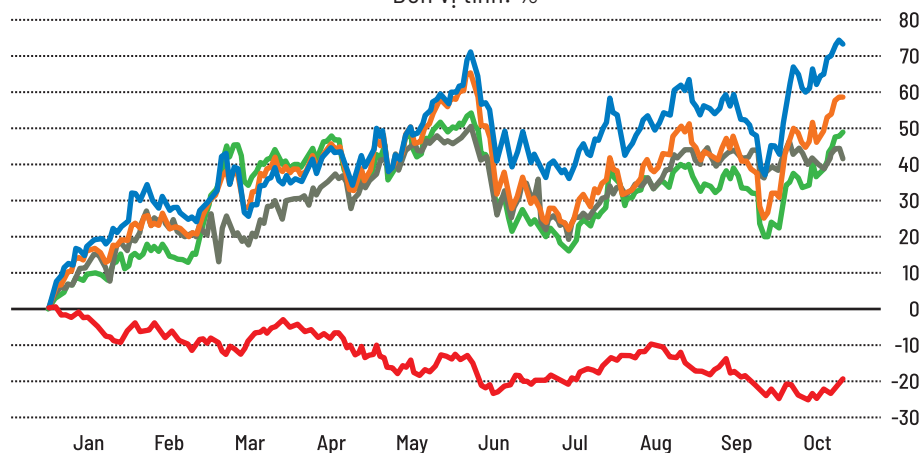
1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

LỢI NHUẬN CỦA CÁC GÃ KHỔNG LỒ DẦU MỎ SO VỚI S&P 500

Đơn vị tính: %



Nguồn: Bloomberg

■ Nguồn cung

Sau cuộc họp trực tiếp hôm 5/10 tại Vienna, Áo, OPEC và một số quốc gia không phải thành viên nhóm, trong đó có Nga, ký một thỏa thuận sẽ cùng nhau ***cắt giảm sản lượng khai thác chung ít nhất 2 triệu thùng dầu một ngày***. Đây là mức giảm rất sâu, vượt xa dự báo của giới chuyên môn về khả năng giảm sản lượng khoảng 1 triệu đến 1,5 triệu thùng dầu một ngày. Mức giảm này đang tạo ra áp lực tăng giá dầu trên thị trường toàn cầu do hạn chế nguồn cung.

OPEC CẮT GIẢM SẢN LƯỢNG KHI GIÁ DẦU TƯƠNG ĐỐI CAO

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: Bloomberg

▪ **Biến động giá**

Giá dầu kéo dài đà tăng nhờ dấu hiệu lạc quan về xuất khẩu dầu thô kỷ lục của Mỹ và các dấu hiệu cho thấy lo ngại suy thoái đang giảm bớt lo ngại về nhu cầu giảm ở Trung Quốc.

1.1.2. Thị trường trong nước

Thời gian qua, việc nhập khẩu xăng dầu từ nước ngoài vào Việt Nam gặp nhiều khó khăn, dẫn đến tình trạng khan hiếm hàng tại một số đại lý xăng dầu và cây xăng bán lẻ...

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ **Tiêu thụ**

OPEC dự báo năm 2023, nhu cầu dầu có thể tăng khoảng 2,34 triệu thùng/ngày, ít hơn 360.000 thùng/ngày so với dự báo trước đó. OPEC nhận định nhu cầu dầu năm 2023 sẽ vượt mức trước đại dịch năm 2019.

IEA đã cắt giảm dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu thế giới trong năm tới hơn 20% do các tổ chức lớn tiếp tục hạ thấp kỳ vọng tăng trưởng toàn cầu.

Nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong ngắn hạn vẫn dồi dào do tình trạng nguồn cung bị thắt chặt vẫn chưa được giải tỏa. Rủi ro phía tiêu thụ còn có thể tăng lên nếu nhu cầu từ Trung Quốc khôi phục khi các nhà chức trách nới lỏng các biện pháp chống dịch. Trong dài hạn, nhu cầu tiêu thụ của thế giới có xu hướng giảm trước nguy cơ nền kinh tế toàn cầu suy yếu.

▪ *Biến động giá*

Ngân hàng Goldman Sachs nâng dự báo giá dầu Brent cho năm 2022 từ 99 USD lên 104 USD/thùng. Sự gia tăng này được giải thích là do OPEC+ quyết định giảm sản lượng 2 triệu thùng/ngày. Mặc dù con số 2 triệu thùng này là danh nghĩa, mức giảm sản lượng thực tế có thể thấp hơn, nhưng Goldman Sachs tin rằng điều đó đủ chặt chẽ để biện minh cho việc điều chỉnh giá dầu dự báo tăng.

Trong kịch bản lạc quan nhất, ngân hàng này cho biết có thể có một đợt tăng 25 USD với giá dầu Brent nếu OPEC+ duy trì việc cắt giảm sản lượng cho đến năm 2023. Morgan Stanley cũng đã nâng dự báo giá dầu Brent vào hôm 9/10 lên mức 100 USD/thùng cho quý đầu tiên của năm 2023. Theo dự báo mới nhất của Goldman Sachs, giá dầu Brent trung bình trong năm tới có thể là 110 USD/thùng do việc cắt giảm.

Với quyết định giảm sản lượng 2 triệu thùng dầu/ngày của OPEC+, nguy cơ giá dầu tăng kịch trần tái xuất hiện.

Ngân hàng Thế giới mới đây công bố dự báo giá năng lượng sẽ giảm 11% vào năm 2023, sau khi tăng 60% trong năm nay do các xung đột giữa Nga và Ukraine. Trong báo cáo Triển vọng Thị trường Hàng hóa mới nhất, ngân hàng này đã dự đoán giá dầu thô Brent trung bình là 92 USD/thùng vào năm 2023, giảm xuống 80 USD vào năm 2024 nhưng cao hơn nhiều so với mức trung bình 5 năm là 60 USD.

1.3. Khuyến nghị

Chủ động bám sát biến động kinh tế vĩ mô, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, diễn biến thị trường, đưa ra mục tiêu, giải pháp phù hợp cho từng lĩnh vực.

Chú trọng công tác quản trị biến động từ công ty mẹ - Tập đoàn đến các đơn vị thành viên/Ban Quản lý dự án, hiệu quả liên kết chuỗi trong toàn Tập đoàn để quản trị tốt biến động, duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

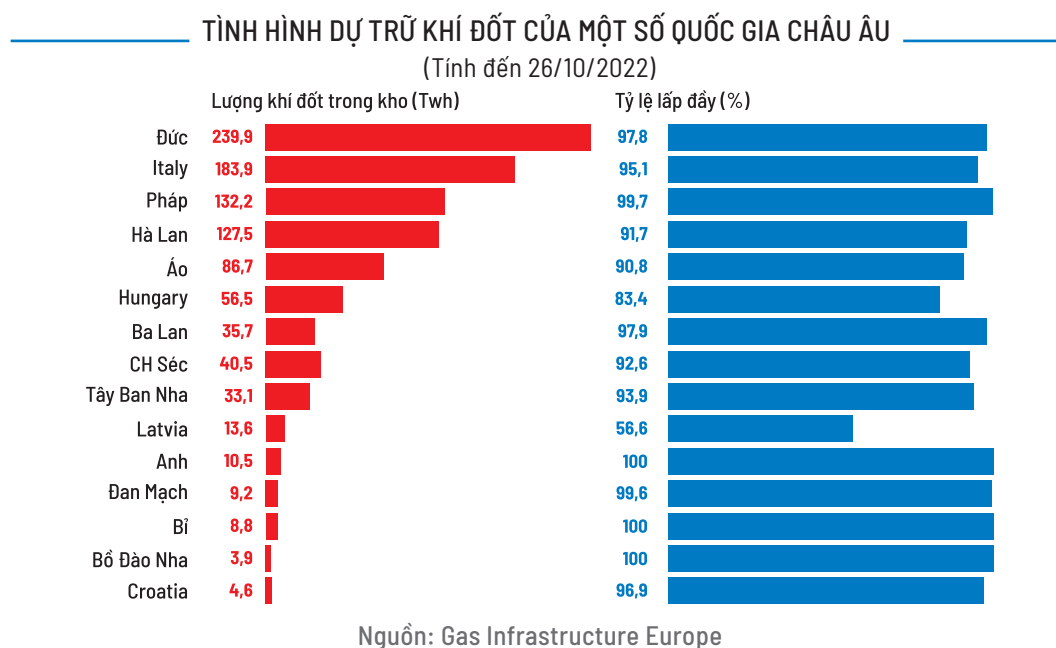
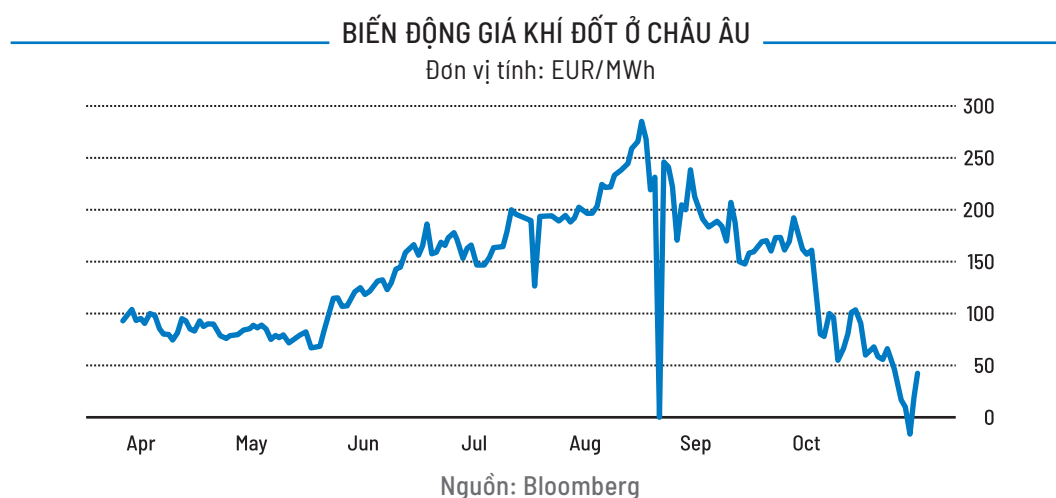
Đảm bảo duy trì nhịp độ khai thác, đặc biệt là ở các mỏ khai thác chủ lực; công tác quản trị sản lượng, các giải pháp kỹ thuật được áp dụng liên tục, đồng bộ và kịp thời.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Những nỗ lực của châu Âu trong việc mua khí hóa lỏng, tiết kiệm nhiên liệu, cộng với thời tiết ấm hơn bình thường đã khiến kho dự trữ đầy ắp và giá khí đốt giảm mạnh trong những tuần vừa qua.



- Tính đến ngày 26/10, kho dự trữ khí đốt của châu Âu đã đầy 93,9% và Đức ở mức 97,8%. Mức dự trữ trên chỉ đủ cho nhu cầu ở Đức trong hai tháng nếu thời tiết lạnh hơn. Vì vậy, châu Âu sẽ cần phải tiếp tục mua thêm LNG.

2.1.2. Thị trường trong nước

Với diễn biến giá gas trên thị trường thế giới giảm sâu, giá gas tại thị trường trong nước tháng 10/2022 cũng giảm theo, góp phần giúp chỉ số giá tiêu dùng được kiểm chế.

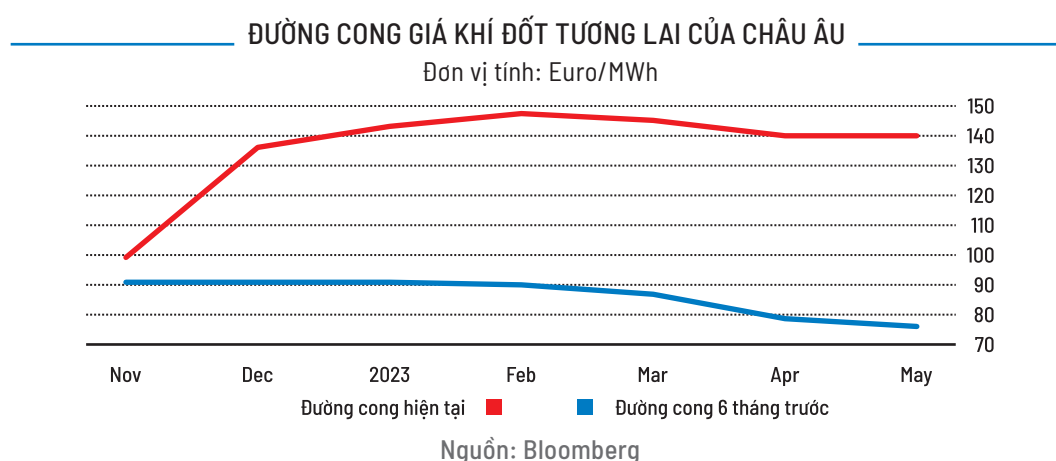
Kể từ đầu tháng 10/2022, giá bán lẻ gas tiếp tục giảm 18.000 đồng/bình 12kg, cũng là lần giảm thứ 7 trong năm với tổng mức giảm 122.000 đồng/bình gas 12kg.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Vẫn còn nhiều rủi ro ở phía trước với châu Âu. Mức tiêu thụ nhiên liệu phụ thuộc vào thời tiết và mùa đông lạnh giá có thể khiến châu Âu đốt hết kho dự trữ của mình.

Khi dòng chảy khí đốt qua đường ống Nord Stream 1 bị ngừng, các chuyên gia từng kỳ vọng giá khí đốt sẽ tăng lên và ngành công nghiệp tỏ ra lo lắng. Các nhà kinh tế dự báo rằng mức tiêu thụ sẽ giảm do người dân và doanh nghiệp phản ứng với giá cả.



2.3. Khuyến nghị

Đánh giá tác động thị trường vốn, thị trường tài chính trong nước thời gian qua và thời gian tới nhằm quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tập đoàn;

Liên tục rà soát quy định của pháp luật liên quan đến điều chỉnh chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ, quản trị tốt danh mục đầu tư.

Kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh, đảm bảo hệ thống thiết bị luôn sẵn sàng cung cấp khí, sản phẩm khí tối đa cho các khách hàng.

Đẩy mạnh phát triển thị trường theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, hộ tiêu thụ; tập trung phát triển các hộ tiêu thụ lớn như điện, đạm, hóa chất. Đồng thời, không ngừng đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ LNG, LPG, KTA, CNG ... cho các hộ tiêu thụ ngoài điện, đạm; giữ vững thị trường hiện hữu song song phát triển thị trường mới.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

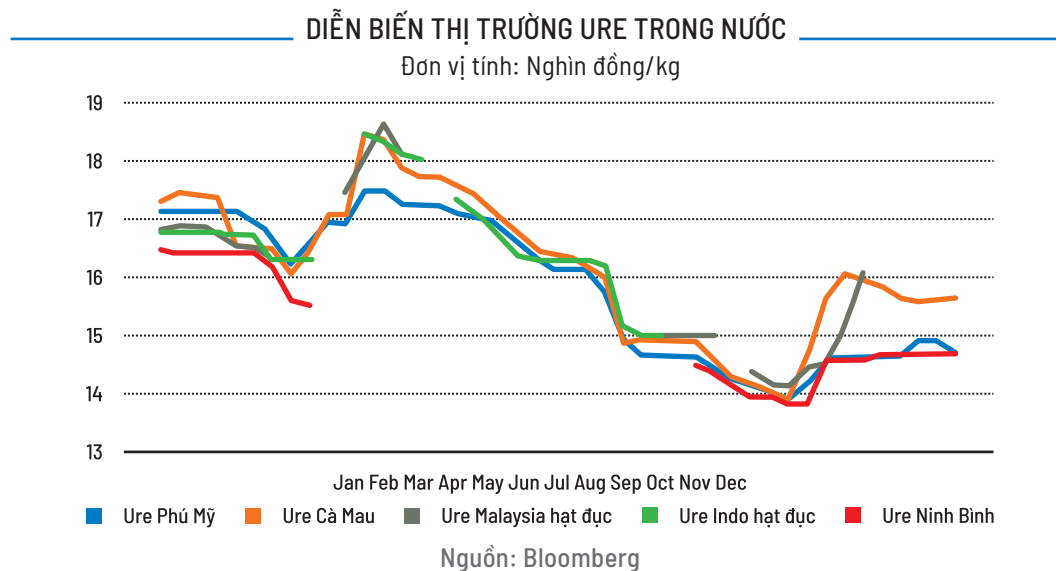
Tình hình kinh tế sẽ còn khó khăn trên khắp châu Âu trong mùa đông này. Hoạt động sản xuất amoniac để làm phân bón đã phải tạm ngừng và mới được nối lại vài ngày trước. Lượng lớn phân bón của châu Âu đang được nhập khẩu từ Mỹ.

Cuộc khủng hoảng năng lượng tại châu Âu cao đang khiến hàng loạt nhà máy phân bón ở khu vực này phải cắt giảm sản lượng, khởi đầu là các nhà máy sản xuất phân bón ở Ba Lan ngừng hoạt động, sau đó đã lan rộng ra toàn khu vực với các doanh nghiệp hàng đầu như Achema, Yara và Borealis...

Với Trung Quốc, mặc dù chính sách xuất khẩu phân bón đã nới lỏng hơn từ tháng 6 vừa qua nhưng trên thực tế, hoạt động xuất khẩu vẫn được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo nguồn cung trong nước.

3.1.2. Thị trường trong nước

Cuối tháng 10, thị trường giao dịch Ure chậm, các thương nhân/đại lý có xu hướng chào giá Ure tạm chững.



3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Nông dân trên khắp thế giới có thể sẽ tiếp tục phải cắt giảm tỷ lệ bón phân đạm cho cây trồng, do giá nguyên liệu đầu vào của loại vật tư quan trọng đối với mùa màng này vẫn đứng ở mức cao.

Hoạt động sản xuất phân bón các loại, đặc biệt là phân đạm (nitơ, urê) vẫn đang bị cắt giảm mạnh ở Liên minh châu Âu (EU), khu vực cung cấp 15% sản phẩm phân đạm thành phẩm của thế giới. Thống kê có khoảng một nửa công suất sản xuất của các nhà máy phân bón ở EU đã tạm ngừng hoạt động do các biện pháp trừng phạt và hạn chế của Nga đối với nguồn cung cấp khí đốt tự nhiên cho toàn khu vực.

3.2.2. Thị trường trong nước

Sang quý IV - quý cao điểm vụ Đông Xuân, sản lượng tiêu thụ phân bón trong nước được dự báo sẽ gia tăng trở lại. Bên cạnh đó, doanh nghiệp sản xuất cũng kỳ vọng nhu cầu nhập khẩu phân bón từ các thị trường quốc tế sẽ có những tín hiệu tích cực hơn.

Do ảnh hưởng cuộc chiến Nga - Ukraine cùng các lệnh trừng phạt giữa phương Tây và Nga..., việc thiếu hụt nguồn cung khí khiến giá khí tại châu Âu ngày càng tăng. Theo đó, giá phân bón có thể tiếp tục tăng mạnh. Với tình hình hiện tại, nhiều nhà máy đã đóng các dây chuyền sản xuất ammonia hoặc sản xuất phân urê vì giá bán không bù được chi phí.

3.3. Khuyến nghị

Đẩy mạnh công tác truyền thông, thương hiệu, tìm kiếm khách hàng mới, đặc biệt các khách hàng đặc thù. Thường xuyên rà soát, hoàn chỉnh các định mức, quy trình kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo dưỡng sửa chữa phù hợp các qui định và hiệu quả.

Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn trên cơ sở phương án tối ưu; quản lý sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn; rà soát, cân đối thu - chi phù hợp, hiệu quả. Cập nhật/xây dựng và sử dụng hiệu quả các công cụ quản trị rủi ro trong huy động và quản lý nguồn vốn.

Duy trì hệ số nợ thích hợp để đảm bảo tính tự chủ, an toàn về tài chính; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, thực hiện các giải pháp mạnh trong việc thu hồi công nợ của các khách hàng.

Quản lý, kiểm soát chặt chẽ giá thành, giá vốn các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ kết hợp với đổi mới quản trị doanh nghiệp bảo đảm chất lượng và giá sản phẩm hàng hóa, dịch vụ ở mức cạnh tranh hợp lý.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường trong nước

Ngoài hơn 7.000 MW điện khí hiện hành, công nghệ tua bin khí chu trình hỗn hợp, sử dụng khí từ các mỏ: Cửu Long, Nam Côn Sơn và mỏ PM3-CAA, có tới 6.900 MW các dự án chuyển tiếp từ Quy hoạch điện VII (điều chỉnh) sang, gồm Cụm khí - điện Lô B - Ô Môn (3.150 MW) và Cụm khí - điện Cá Voi Xanh - miền Trung (3.750 MW) đã được Bộ Công Thương đánh giá cụ thể về tiến độ.

Tín hiệu đáng mừng là sau nhiều tháng vướng mắc về thủ tục vay vốn ODA Nhật Bản cho dự án điện khí Ô Môn 3, đến nay thủ tục đã được Chính phủ hỗ trợ khai thông. Như vậy, nếu triển khai gấp rút, bỏ bớt các thủ tục rườm rà, chậm nhất năm 2026 sẽ có điện từ Cụm điện khí Ô Môn.

Với Cụm Cá Voi Xanh, tuy phụ thuộc vào Nhà điều hành ExxonMobil (Mỹ), nhưng nếu Chính phủ quyết tâm thúc đẩy và khuyến khích ExxonMobil, giảm bớt các thủ tục, xúc tiến để giải quyết khâu thương nguồn khí, trước năm 2030 chúng ta cũng có thêm nguồn điện từ khu vực này.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường trong nước

Nhu cầu điện tiêu thụ cho tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam vẫn sẽ đạt ở mức cao. Trong vọng 5 năm tới, tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện đạt 8,5%/năm, tập trung vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp và xây dựng.

Sản lượng điện thiếu hụt trên toàn hệ thống sẽ vào khoảng 13,3 tỷ kWh trong năm 2023 và 27,7 tỷ kWh đến năm 2025. Do vậy, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu khí LNG và tăng phụ tải nhiệt điện để đáp ứng nhu cầu sản xuất công nghiệp phát triển kinh tế.

4.3. Khuyến nghị

Bám sát tình hình phụ tải thực tế, cập nhật dự báo phụ tải năm 2022, qua đó, chủ động lập kế hoạch, làm việc trực tiếp với từng đối tượng khách hàng để xây dựng các giải pháp về chuyển đổi mô hình, thời gian sản xuất nhằm đảm bảo cung cấp điện, tập trung vào các giải pháp ngắn hạn, khả thi.

Trong công tác Kinh doanh và dịch vụ khách hàng tăng cường giám sát, kiểm tra, phúc tra phản ánh của khách hàng, phân tích đánh giá các lỗi liên quan đến phản ánh không hài lòng của khách hàng để đề xuất xử lý theo quy định.

Tăng cường kiểm tra kiểm soát an toàn lao động trực tiếp tại hiện trường và qua hình ảnh trên ECP.

Khẩn trương quyết liệt đôn đốc các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công khẩn trương tập trung nhân lực, vật lực để khẩn trương, quyết liệt triển khai các dự án được giao, đảm bảo tiến độ như cam kết.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2022

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 10 NĂM 2022

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 10 2022	10 tháng 2022	Tỷ lệ so sánh (%)		
					A	B	C
1	Tăng trưởng GDP		n/a		-	-	-
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	n/a	103	106,3	109
3	Hoạt động của doanh nghiệp						
3.1	Thành lập mới						
	- Về số lượng	DN	13.000	178.500	113,6	158,3	138,3
	- Về số vốn đăng ký	Tỷ đồng	106.900	1.379.200	78,6	98,5	134,3
	- Về vốn đăng ký bình quân	Tỷ đồng	8,2	11	69,2	62,2	78,8
	- Về số lao động đăng ký	Người	76.900	758.100	124,1	130,7	118
3.2	Quay lại hoạt động	DN	3.900	52.700	76,3	90,7	149
3.3	Rút lui khỏi thị trường						
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	4.058	66.400	138,3	116,2	136,9
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	4.200	40.300	100,3	137,8	115,2
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.602	15.400	105,7	198,8	113,4
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	53,6	387,7	-	124,2	120,1
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	22,46	-	-	94,6
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	17,45	-	-	115,2
4.4	Đầu tư ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm)	Triệu USD	-	452,1	-	-	70
5	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa						
5.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	30,27	312,82	101,5	104,5	115,9
5.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	28	303,42	98,6	107,1	112,2
5.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 2,27	Xuất siêu 9,4	-	-	-
6	Chỉ số giá				A	B	C
6.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,15	104,3	102,89
6.2	Chỉ số giá vàng				100,5	104,8	106,08
6.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				101,84	105,42	101,17
6.4	Lạm phát cơ bản				-	104,47	-

A: Tháng 10/2022 so với tháng trước

B: Tháng 10/2022 so với tháng 10/2021

C: 10 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021

D: Tháng 10/2022 so với tháng 12/2021



Ảnh bìa: 10 tháng năm 2022, tổng kim ngạch
XNK hàng hóa của Việt Nam tăng 14,1%
so với cùng kỳ năm 2021.

haiphongport.com.vn



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện